

## **Nhà máy Nước sạch Bình Thuận**

[\\* Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt](#)

**\* Giới thiệu qua về Nhà máy:**

### **1. Nhân sự:**

Tổ quản lý, vận hành có 3 người: một tổ trưởng và 2 nhân viên; trình độ đào tạo: Một cao đẳng điện, một cao đẳng cấp thoát nước, một trung cấp cơ khí, đóng cọc.

### **2. Quy mô công trình:**

Cấp nước sinh hoạt phục vụ cho 12.940 nhân khẩu (tính đến năm 2015) cho 2 xã Vĩnh An và Bình Thuận, huyện Tây Sơn. Công suất 1.220m<sup>3</sup>/ngày, bình quân 60 lít/người-ngày. Trong đó:

Nguồn nước: Lấy trực tiếp từ nguồn nước mặt qua hệ thống lọc thô trên nguồn suối Nước Góp (xã Vĩnh An) đến vùng khu xử lý nước qua hệ thống lọc, khử trùng vào vào bể chứa để cung cấp BQL Tây Sơn qua đường ống vào mạng lưới phân phối.

Giá trị đầu tư xây dựng: 8.812.074.000 đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

Thời gian xây dựng: Khởi công trong năm 2008 và hoàn thành trong năm 2009.

## Nhà máy nước sạch Bình Thuận

Viết bởi Administrator

Thứ ba, 03 Tháng 4 2012 08:26

---

Đến cuối năm 2012, tổng nguồn vốn chống hạn 850 triệu đồng, nâng cấp nguồn nước lên 2.500m<sup>3</sup>/ ngày.

Hiện nay (2014), có khoa học 2.660 khách hàng, sản xuất cung cấp khoa học 1.500m<sup>3</sup>/ ngày.



Hình ảnh nhà máy Nước sạch Bình Thuận

### 3. Các hạng mục công trình:

a) Dự án dân:

Xây dựng trên th<sub>00</sub>ng ngu<sub>00</sub>n su<sub>00</sub>i n<sub>00</sub>c G<sub>00</sub>p, cách khu x<sub>00</sub> lý kho<sub>00</sub>ng 2km:

- K<sub>00</sub>t c<sub>00</sub>u: B<sub>00</sub>ng bê tông đ<sub>00</sub> t<sub>00</sub>i ch<sub>00</sub>, neo trên n<sub>00</sub>n đá g<sub>00</sub>c;

- Cao trình đ<sub>00</sub>nh đ<sub>00</sub>p :  $H = 83,70\text{m}$ ;

- Chi<sub>00</sub>u dài đ<sub>00</sub>p :  $L = 20,80\text{m}$ ;

- B<sub>00</sub>r<sub>00</sub>ng m<sub>00</sub>t đ<sub>00</sub>p :  $B = 1,00\text{m}$ ;

- Chi<sub>00</sub>u cao đ<sub>00</sub>p l<sub>00</sub>n nh<sub>00</sub>t :  $H = 1,20\text{m}$ .

□ □□□□□□□ b) B<sub>00</sub> l<sub>00</sub>c thô:

Trên đ<sub>00</sub>p d<sub>00</sub>ng xây dựng 01 b<sub>00</sub> l<sub>00</sub>c thô, kích th<sub>00</sub>c (2,0 x 2,0) m, bên trong có v<sub>00</sub>t li<sub>00</sub>u l<sub>00</sub>c thô: l<sub>00</sub>p đá 2x4 dày 50cm và l<sub>00</sub>p đá 4x6 dày 20cm.

□ □□□□□□□ c) Khu x<sub>00</sub> lý n<sub>00</sub>c:

V<sub>00</sub> trí xây dựng trên đ<sub>00</sub>i Hòn Lúp, làng Kon Gi<sub>00</sub>t, xã Vĩnh An.

T<sub>00</sub>ng di<sub>00</sub>n tích xây dựng :  $42 \times 33 = 1.386\text{m}^2$ ;

Cao trình san n<sub>00</sub>n :  $73,00\text{m}$ .

## Nhà máy nước sạch Bình Thuận

Viết bởi Administrator

Thứ ba, 03 Tháng 4 2012 08:26

---

Các hạng mục chính trong khu nhà máy gồm: Bể lọc, bể chứa nước sạch, máy bơm nước rửa lọc và thiết bị khử trùng;

Các hạng mục phụ trợ khác như: mương thoát nước, tường rào công nghệ;

Các thông số chính của từng hạng mục như sau:

- Bể lọc nhanh hồ: Công suất là 1.220m<sup>3</sup>/ngày, tốc độ lọc 6m/h.

Gầm 03, ngăn kích thước: (2,35 x 2,25)m, kết cấu bê tông cốt thép M250, vữa liu lưu lọc bằng cát thạch anh.

- Bể chứa nước sạch (300m<sup>3</sup>):

Kích thước bể: (10 x 10 x 3)m, kết cấu bằng BTCT M250.

Cao trình mặt nước thiết kế trong bể : 75,40m.

- Nhà bơm và thiết bị khử trùng, gồm : 01 máy bơm rửa lọc, thông số kỹ thuật như sau:

+ Công suất : 30 kW/h, điện 3 pha, vòng quay: 1450v/p;

+ Lưu lượng : 240m<sup>3</sup>/h;

+ Chiều áp toàn phần : 18m.

01 hệ thống Clo để khử trùng nước.

□ □ □ □ □ □ □ □ d) Mạng lưới đường phân phối nước sạch:

Tuyến đường chính: Từ sau đường hẻm tại nhà máy chảy dọc theo đường bê tông đi ra Quạt 19 và dọc Quạt 19 đi theo đường Bình Thuận – Phú Phong đến ranh giới xã Bình Thuận và thị trấn Phú Phong. Đường chiều dài đường ống 16.577m, đường kính ống D200 đến D40mm, ống nhựa uPVC có chiều dày từ 3 ÷ 5,5mm, áp lực làm việc từ 5 ÷ 10bar, nối ống bằng gioăng cao su và miếng bát.

Trên tuyến đường ống này có 10 van xả khí và 05 hố van xả cặn.

Các ống nhánh: nối từ tuyến đường chính vào các xóm dân cư, đường chiều dài 10.502m, đường kính ống từ D40 đến 150 áp lực làm việc từ 8 ÷ 10bar.

Thông số kỹ thuật tuyến đường chính cấp nước như sau:

□ □ □ □ □ □ □ □ e) Địa điểm lắp đặt và địa điểm sinh hoạt:

Nguồn điện phục vụ cho xử lý nước và sinh hoạt của nhà máy tại Trạm biến áp Kon Giết, trung tâm xã Vĩnh An, cách nhà máy khoảng 600m.

**[Bà: Đinh Công Chánh – Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Bình Định](#)**

